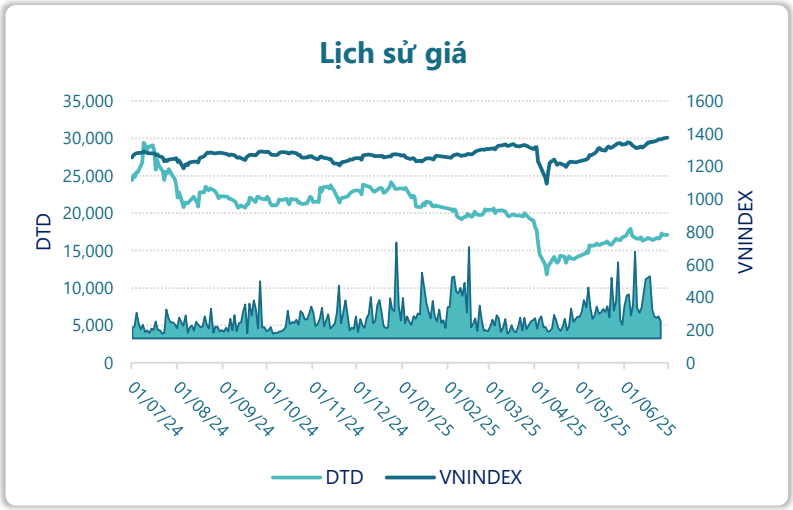
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (HNX: DTD)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,434
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,825
SL cổ phiếu LH	66,686,055
KLGD BQ 20 phiên (CP)	417,005
% sở hữu nước ngoài	4.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,140
P/E	5.1
EPS	3,373

DT thuần

Q2/25

288

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 69.0| 31.5%

YoY: ▲ 222| 333%

LN sau thuế

Q2/25

153

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.0| 51.3%

YoY: ▲ 132| 635%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

67.1%

+/- YoY: ▲ 26.2%

DT thuần

6T 2025

507

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 239| 89.1%

LN sau thuế

6T 2025

254

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 157| 162%

ROE

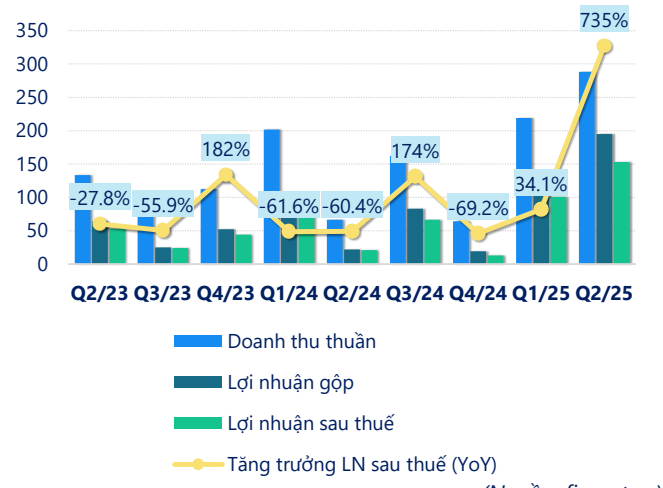
Q2/25

16.1%

+/- YoY: ▲ 6.9%

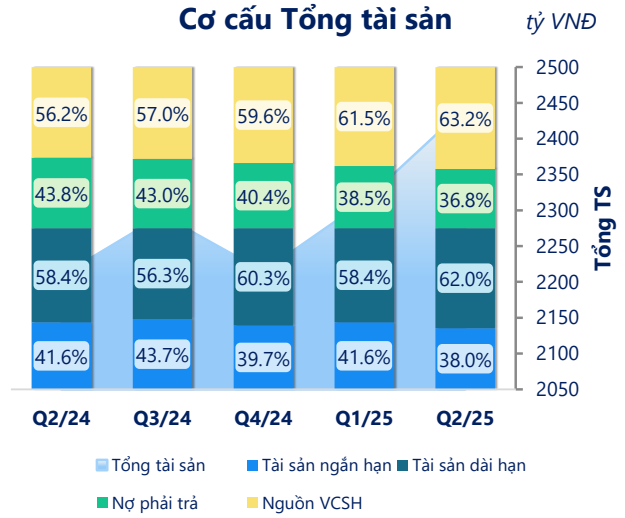
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



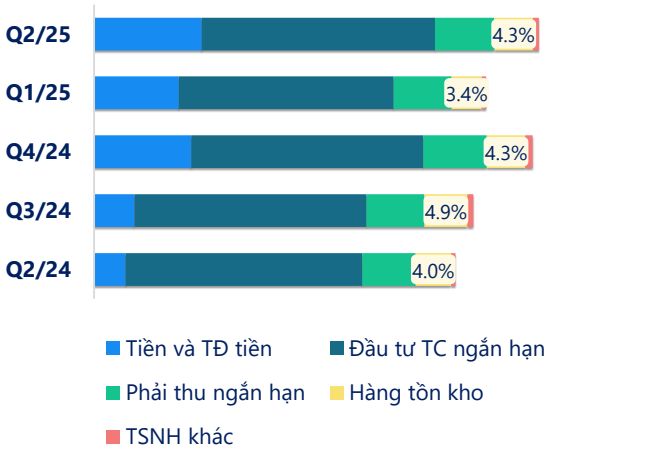
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



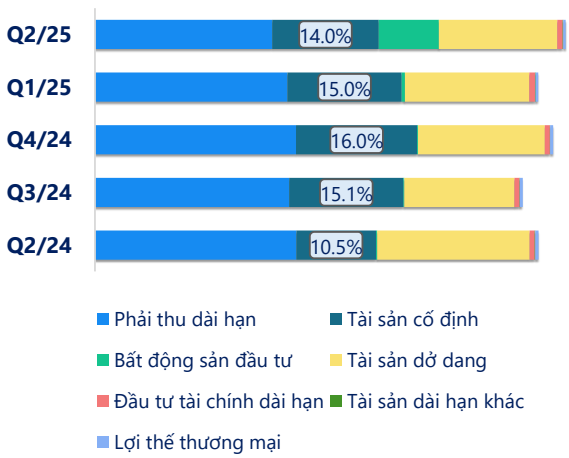
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



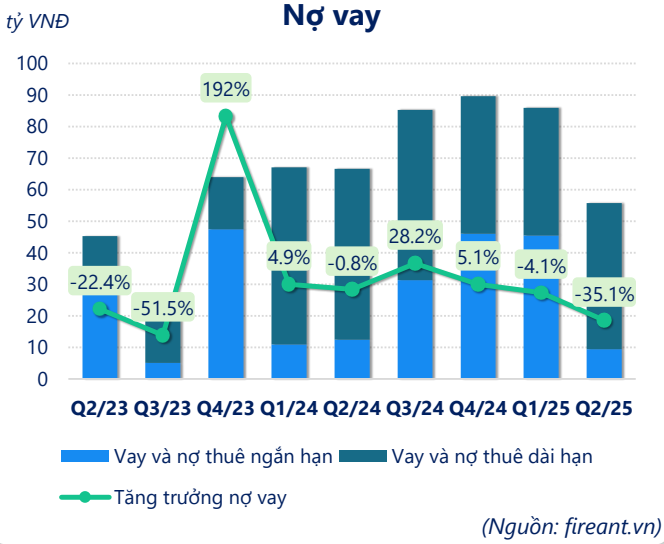
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



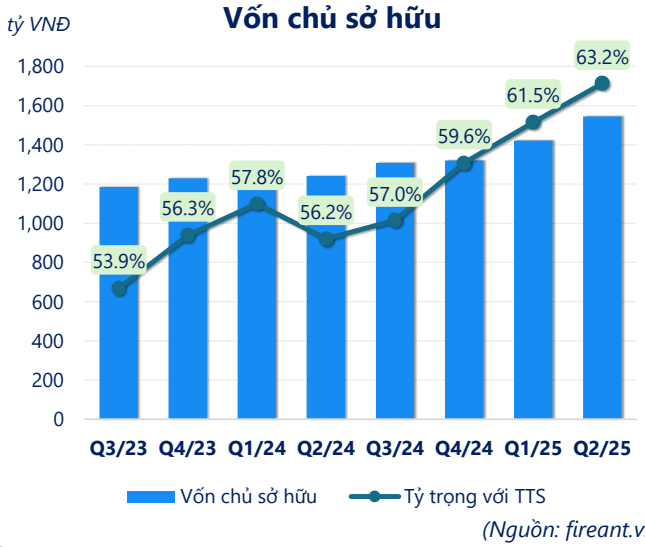
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



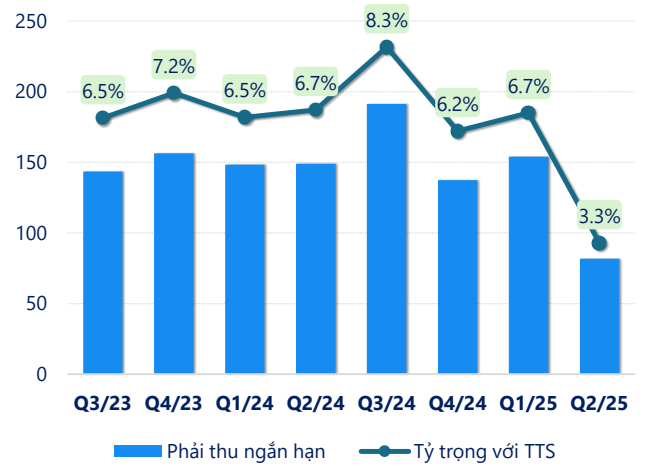
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



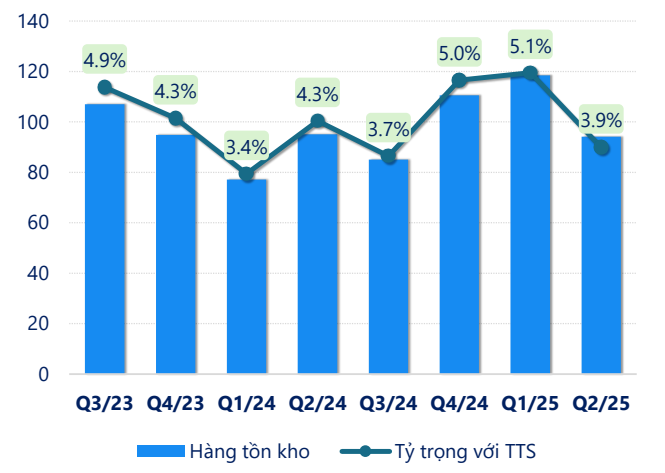
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



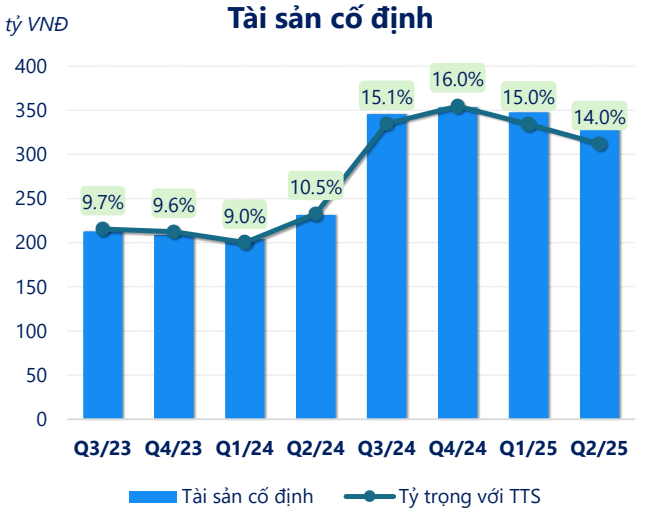
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



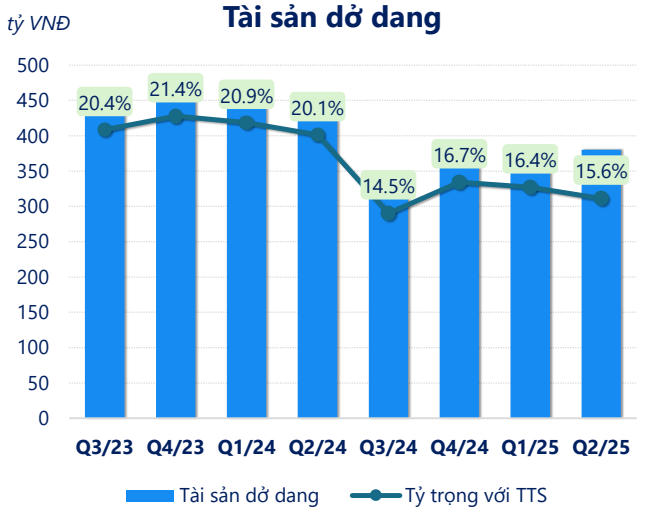
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



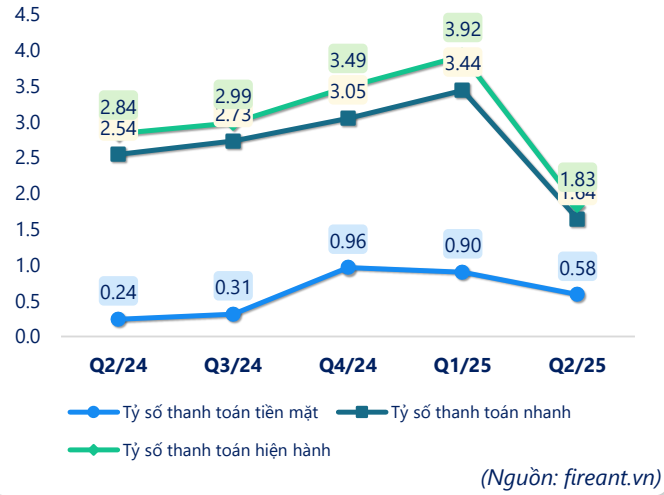
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



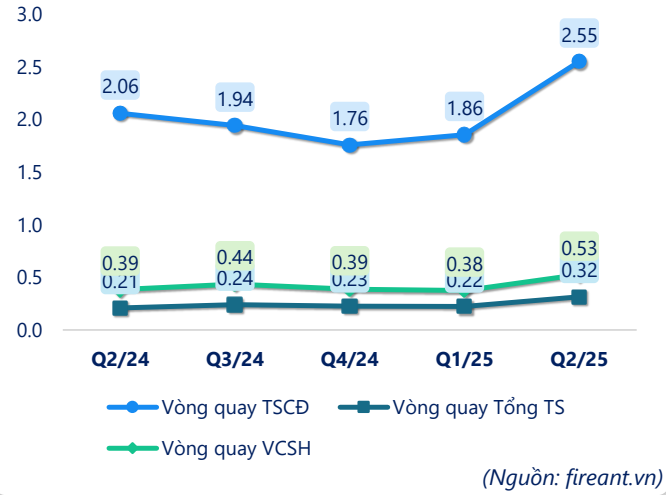
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,209**	**2,293**	**2,215**	**2,313**	**2,443**
Tài sản ngắn hạn	**919**	**1,002**	**879**	**963**	**929**
Tiền và tương đương tiền	78.0	104	243	221	297
Đầu tư tài chính ngắn hạn	581	603	365	443	430
Phải thu ngắn hạn	149	191	137	154	81.7
Hàng tồn kho	95.1	85.0	111	118	94.2
Tài sản ngắn hạn khác	15.3	18.2	23.2	27.3	26.9
Tài sản dài hạn	**1,290**	**1,292**	**1,336**	**1,350**	**1,514**
Phải thu dài hạn	586	586	586	586	570
Tài sản cố định	231	346	353	348	343
Bất động sản đầu tư	3.69	2.00	2.00	10.3	193
Tài sản dở dang	443	333	370	378	380
Đầu tư tài chính dài hạn	14.7	14.7	14.7	17.7	17.7
Tài sản dài hạn khác	1.95	0.90	0.74	1.42	2.11
Lợi thế thương mại	9.94	9.39	8.84	8.29	7.73
Nợ phải trả	**968**	**986**	**894**	**891**	**899**
Nợ ngắn hạn	**324**	**335**	**252**	**246**	**508**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.5	31.3	46.0	45.5	9.40
Phải trả người bán ngắn hạn	29.5	21.5	10.8	16.6	20.8
Nợ dài hạn	644	650	643	646	391
Vay và nợ thuê dài hạn	54.1	54.0	43.6	40.5	46.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,241**	**1,308**	**1,320**	**1,421**	**1,545**
Vốn chủ sở hữu	**1,241**	**1,308**	**1,320**	**1,421**	**1,545**
Vốn điều lệ	493	567	575	575	667
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)